

Số: 18/KH-UBND

Châu Thành, ngày 24 tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 24/11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh**

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kế hoạch giao khối lượng và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 133/HDLN-SNN & PTNT – STC ngày 05/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT – Sở Tài chính về Hướng dẫn liên sở thực hiện Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh và Công văn số 1561/SNN-VP ngày 12/8/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung Hướng dẫn liên sở số 133/HDLN-SNN&PTNT-STC.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2023

1. Mục đích, yêu cầu

Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đảm bảo kịp thời, hiệu quả đúng theo quy định.

Xác định rõ phạm vi, đối tượng, phương thức hỗ trợ; những quy định cụ thể về nội dung, định mức, điều kiện hỗ trợ của từng chính sách; số điểm đầu tư và quy mô diện tích sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định; phân công nhiệm vụ các ngành, các cấp có liên quan; làm cơ sở để kiểm tra đôn đốc, giám sát, đánh giá tình hình, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Chính sách hỗ trợ

a) Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) sản phẩm trồng trọt

Hỗ trợ thực hiện thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP cấp lần đầu đối với cơ sở chưa được hỗ trợ cho 03 cơ sở, kinh phí hỗ trợ: 300.000.000 đồng, gồm các xã: Mỹ Chánh 01 cơ sở, Lương Hòa 01 cơ sở và thị trấn Châu Thành 01 cơ sở, kinh phí hỗ trợ cho mỗi cơ sở: 100.000.000 đồng.

b) Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn:

Hỗ trợ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới 01 cơ sở, kinh phí: 100.000.000 đồng, trên địa bàn thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, diện tích 0,1 ha, xây dựng nhà lưới kín và hệ thống tưới phục vụ sản xuất.

c) Chính sách hỗ trợ trồng mới vườn cây ăn quả, vườn cây dứa 7,93 ha, kinh phí: 129.300.000 đồng, cụ thể từng xã:

- Hỗ trợ trồng mới vườn dứa (năm đầu): 05 ha, kinh phí: 100.000.000 đồng, trên địa bàn xã Đa Lộc.

- Hỗ trợ trồng mới vườn dứa (năm thứ hai): 2,93 ha, kinh phí: 29.300.000 đồng, trên địa bàn xã Nguyệt Hóa.

(Kèm phụ lục)

2.2. Quy trình và thủ tục thực hiện:

- Đối tượng, phương thức và các nội dung hỗ trợ chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp năm 2023 được thực hiện trong Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Việc lập dự toán hàng năm và hồ sơ, quy trình thanh toán kinh phí hỗ trợ thực hiện theo Hướng dẫn 133/HDLN-SNN&PTNT-STC ngày 05/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT - Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh và Công văn số 1561/SNN-VP ngày 12/8/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung Hướng dẫn liên sở số 133/HDLN-SNN&PTNT-STC.

- Các chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh liên quan đến sử dụng đất trồng lúa, ngoài việc phải đáp ứng theo điều kiện của Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, phải chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của pháp luật về đất đai khi thực hiện chính sách; đồng thời phải đúng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa huyện Châu Thành giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trường hợp điều chỉnh, thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định.

- Đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 thì không được hỗ trợ theo kế hoạch này.

2.3. Kinh phí thực hiện

- Ước tổng kinh phí dự kiến thực hiện 529.300.000 đồng (*Năm trăm hai mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng*).

- Nguồn kinh phí: Sự nghiệp kinh tế hàng năm của tỉnh.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch thực hiện chính sách tái cơ cấu nông nghiệp năm 2023; Triển khai và tổ chức thực hiện theo Hướng dẫn số 133/HDLN-SNN & PTNT – STC ngày 05/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT – Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức thực hiện Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Kế hoạch giao khối và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2023.

- Hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo đúng quy định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách cho Ủy ban nhân dân huyện định kỳ và theo yêu cầu.

- Thanh, quyết toán đúng theo quy định hiện hành.

4.2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Kiểm tra các dự toán kinh phí; hướng dẫn cơ chế tài chính, thanh quyết toán nguồn vốn thực hiện kế hoạch theo Hướng dẫn số 133/HDLN-SNN & PTNT - STC ngày 05/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT – Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh về thực hiện quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh. Tham mưu UBND huyện cấp phí hỗ trợ theo quy định.

4.3. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Khảo sát, phát triển thêm các địa điểm, các cửa hàng kinh doanh sản phẩm rau an toàn trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với các ngành có liên quan hỗ trợ hoạt động tiêu thụ nông sản, phát triển công nghiệp chế biến nông, thủy sản gắn với sản xuất công nghiệp.

4.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp, hỗ trợ thực hiện và hướng dẫn các nội dung có liên quan đến việc chuyển đổi đất lúa đúng theo quy định pháp luật hiện hành và theo đúng quy hoạch sử dụng đất.

4.5. Trung tâm Văn hóa – Thông tin huyện

Đẩy mạnh thông tin truyền truyền các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh để người dân hiểu, biết và tham gia thực hiện.

4.6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Triển khai và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn theo chỉ tiêu được giao. Tổng hợp, hướng dẫn thực hiện đầy đủ các hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các hộ dân thực hiện đúng theo Hướng dẫn số 133/HDLN-SNN & PTNT- STC ngày 05/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT – Sở Tài chính.

- Tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tái cơ cấu nông nghiệp theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021- 2025.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ để cải tạo, phát triển các lĩnh vực nông nghiệp theo đúng quy định của chính sách.

- Tổng hợp hồ sơ đầy đủ theo văn bản hướng dẫn và thanh quyết toán đúng theo quy định.

4.7. Tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách

Tổ chức sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc cần sửa đổi bổ sung Kế hoạch, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. /*Thm*

Nơi nhận:

- Sở NN và PTNT;
- TT. Huyện Ủy;
- UBND Huyện;
- CT. Các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thạch Thị Sa Thy

PHỤ LỤC

THỰC HIỆN HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH TÀI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2023

THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2021/NQ-HĐND CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số...A.B./KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của UBND huyện Châu Thành)

TT	Nội dung hỗ trợ	Tên xã/TT đăng ký	Tổng diện tích hỗ trợ (ha)	Đối tượng áp dụng: cơ sở	Mức hỗ trợ (đồng)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
1	Hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGap) sản phẩm trồng trọt			3		300.000.000	
-	Thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP cấp lần đầu đối với cơ sở chưa được hỗ trợ	thị trấn Châu Thành; Mỹ Chánh; Lương Hòa		3	100.000.000	300.000.000	
2	Hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn			1		100.000.000	
-	Sản xuất rau an toàn trong nhà lưới + Nhà lưới kín và hệ thống phục vụ sản xuất rau	thị trấn Châu Thành: 0,1 ha	0,1	1	100.000.000	100.000.000	
3	Hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dứa, vườn tạp, đất trồng mía		7,93			129.300.000	
3.1	Hỗ trợ trồng mới vườn dứa (năm đầu)	Đa Lộc	5		20.000.000	100.000.000	
		Nguyệt Hóa					
3.2	Hỗ trợ trồng mới vườn dứa (năm thứ hai)		2,93		10.000.000	29.300.000	
	Tổng cộng:		7,93	4		529.300.000	